

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt đơn giá thực hiện vận chuyển người dân từ các chốt kiểm dịch, sân bay Phù Cát về nơi cur trú hoặc các khu cách ly, trên địa bàn tỉnh.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 511/TTr-STC ngày 26/8/2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đơn giá thực hiện vận chuyển người dân từ các chốt kiểm dịch, sân bay Phù Cát về nơi cư trú hoặc các khu cách ly, trên địa bàn tỉnh, với nội dung chính như sau:

**1. Về giá cước vận chuyển công dân từ các chốt kiểm dịch, sân bay Phù Cát về nơi cư trú hoặc các khu cách ly trên địa bàn tỉnh**

**a. Giá các tuyến cụ thể (không bao gồm phụ cấp chống dịch covid):**

TT	Hành trình	Đơn giá	Cự ly km (đi và về)	Loại phương tiện
1	Nhon Phú-1A	2.299.500	32	Xe Bus B55
2	Nhon Phú-1D	2.299.500	32	
3	1A-Vân Canh	2.622.500	98	
4	1D-Vân Canh	2.652.500	104	
5	1A-Tuy Phước	2.378.500	48	
6	1D-Tuy Phước	2.407.500	54	
7	1A-An Nhơn	2.446.500	62	
8	1D-An Nhơn	2.476.500	68	
9	1A-Phù Cát	2.594.500	92	
10	1D-Phù Cát	2.622.500	98	
11	1A-Phù Mỹ	2.780.500	130	
12	1D-Phù Mỹ	2.809.500	136	

TT	Hành trình	Đơn giá	Cự ly km (đi và về)	Loại phương tiện
13	1A-Hoài Nhơn	3.093.500	194	Xe Bus B55
14	1D-Hoài Nhơn	3.122.500	200	
15	1A-Chương Hòa, Hoài Nhơn	3.259.500	228	
16	1D-Chương Hòa, Hoài Nhơn	3.289.500	234	
17	1A-An Lão	3.377.500	252	
18	1D-An Lão	3.407.500	258	
19	1A-Hoài Ân	3.034.500	182	
20	1D-Hoài Ân	3.064.500	188	
21	1A-Đông Phó	2.790.500	132	
22	1D-Đông Phó	2.818.500	138	
23	1A-Vĩnh Thạnh	2.976.500	170	
24	1D-Vĩnh Thạnh	3.005.500	176	
25	Sân bay Phù Cát-Đại đội 19	2.574.500	88	
26	Sân bay Phù Cát-TT Quốc phòng	2.505.500	74	
27	Sân bay Phù Cát-Trung đoàn Bộ Binh 739	2.740.500	122	
28	Sân bay Phù Cát-Sư 31, xã Phước Thành	2.740.500	122	

**b. Đối với trường hợp 01 xe thực hiện nhiều chuyến trong ngày (từ 2 đến 4 chuyến/ngày):**

- Tính nhiên liệu (căn cứ vào mức tiêu hao nhiên liệu đã xác định tại đơn giá cụ thể cho hành trình).

- Tính tiền lương cho lái xe: hỗ trợ 300.000 đồng/người.

**2. Mức phụ cấp chống dịch Covid-19 là 150.000 đồng/người/ngày (không đưa vào đơn giá vận chuyển mà tính toán dựa trên cơ sở thực tế số người tham gia).**

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giao Sở Giao thông vận tải chỉ đạo, giám sát Xí nghiệp xe buýt thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo an toàn và kịp thời trong công tác chống dịch; đồng thời, xác nhận tổng hợp số liệu cụ thể hành trình, số chuyến của Xí nghiệp đã thực hiện cho từng đợt gửi về Sở Tài chính để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Xí nghiệp.

**2.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

**3.** Xí nghiệp Vận tải khách công cộng Quy Nhơn có trách nhiệm thực hiện vận chuyển công dân từ các chốt kiểm dịch, sân bay Phù Cát về nơi cư trú hoặc các khu cách ly (*nếu có*) trên địa bàn tỉnh; đồng thời, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính tổ chức thực hiện nhiệm vụ và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Xí nghiệp Vận tải khách công cộng Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tụ Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tụ Công Hoàng**